

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2023/DS-PT

Ngày 12/7/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/QĐ-PT ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Kim H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số G, đường P, tổ E, khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà F, đường Đ, tổ D, khóm M, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Nguyễn Văn T.

(Bà H, anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:** Ngày 25/9/2017, anh T đến nhà của bà H hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng để lo công việc (bà H không biết rõ

việc gì), vay không có lãi. Bà H đồng ý cho vay. Hai ngày sau, vào ngày 27/9/2017, bà H và anh T đến quán cà phê tại Công viên ngang Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đưa tiền cho anh T, anh T viết biên nhận và ký nợ trước mặt bà H. Vì chỗ quen biết nên bà H cho vay tiền không yêu cầu trả lãi, hẹn khi nào có tiền thì trả lại cho bà H.

Khoảng 01 năm sau, bà H yêu cầu anh T trả tiền cho bà H nhưng anh T cho rằng vay tiền cho chị T1, tìm chị T1 đòi, trong khi chị T1 đã ly hôn với anh T.

Bà H tìm đến nhà ông T nhiều lần nhưng ít khi gặp được vì anh T đi làm, bà H liên hệ qua điện thoại nhưng anh T cố tình không nghe máy.

Tháng 07/2022, bà H tìm gặp anh T tại nhà yêu cầu trả tiền thì anh T không thiện chí trả nợ và còn nói biên nhận không phải anh T viết và còn thách thức bà H đi thưa Công an.

Từ khi vay tiền đến nay anh T không có trả tiền cho bà H.

Nay bà H yêu cầu buộc anh T trả cho bà H số tiền gốc là 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Bà H trình bày không đúng sự thật, thời điểm đó anh T cần vay tiền, anh T quen biết bà H là do vợ của anh T là chị Lưu Thị Kim T2 có quen biết với bà H. Lúc đầu anh T tính vay tiền của bà H nên mới viết biên nhận sẵn để ở nhà, khi nào cần chỉ cầm biên nhận đưa cho bà H nhưng do lãi suất cao nên anh T không có vay tiền của bà H mà đi vay tiền của một người làm cùng cơ quan là anh Lê Thành C số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi viết biên nhận anh T để trong rổ hồ sơ ở nhà, anh T nghĩ là chị T2 đưa cho bà H. Anh T thừa nhận biên nhận ngày 27/9/2017 là do anh T viết và ký tên. Nay anh T không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà H vì anh T không có vay tiền của bà H.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho bà Lê Kim H số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000 đồng.

Bà Lê Kim H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo về việc miễn nộp tạm ứng án phí số 87/TB-TA, ngày 14/12/2022.

- Ngày 23/3/2023 anh T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh T phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà H phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm vì không có vay tiền của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bên nguyên đơn bà H đưa ra chứng cứ là biên nhận ngày 27/9/2017, với nội dung: “Tôi tên Nguyễn Văn T.....có mượn của dì 5 số tiền 30.000.000đ”, anh T thừa nhận dì 5 là bà H, nhưng anh T cho rằng biên nhận ngày 27/9/2017, anh T viết sẵn để ở nhà khi nào cần vay tiền thì chỉ đưa biên nhận nhưng do lãi suất cao nên anh T không có vay tiền của bà H. Anh T cho rằng biên nhận là do vợ anh T là chị T2 đưa cho bà H. Nên anh T không đồng ý trả tiền cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai nại của mình.

Qua đánh giá chứng cứ, xác định rằng anh T có vay của bà H số tiền là 30.000.000 đồng.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc anh T trả số tiền gốc 30.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho bà Lê Kim H số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000đ.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo Biên lai số 0012101 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Thông